**TRIẾT LÝ GIÁO DỤC VÀ VĂN HÓA GIÁO DỤC
để xây dựng một xã hội phát triển**

**GS.TSKH. Trần Ngọc Thêm**

(Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh)

## Dẫn nhập

**1.1.** Trong hệ thống văn hóa, văn hóa học đường là một bộ phận của ***văn hóa giáo dục***; văn hóa giáo dục, đến lượt mình, là một bộ phận của một nền***văn hóa***(= văn hóa dân tộc). Văn hóa (dân tộc) và văn hóa giáo dục có quan hệ với nhau thông qua mắt xích trung gian là ***triết lý giáo dục***: Văn hóa (dân tộc) là một trong ba thành tố chi phối triết lý giáo dục. Triết lý giáo dục, đến lượt mình, được hiện thực hóa bằng bốn thành tố **–** văn hóa giáo dục là một trong số đó. Mối quan hệ giữa ba khái niệm này được trình bày trong sơ đồ ở hình 1.



**Hình 1**: *Quan hệ giữa Văn hóa, Văn hóa giáo dục và Triết lý giáo dục*(Trần Ngọc Thêm, 2021)

Văn hóa mang tính dân tộc nên ***tính dân tộc*** để lại dấu ấn trong văn hóa giáo dục rẩt đậm nét. Theo O.A. Radugina, “văn hóa giáo dục không chỉ là một chỉ tiêu đánh giá trình độ học vấn của người dân cả nước mà còn là một trong những chỉ tiêu quan trọng đánh giá sự phát triển của xã hội ở một giai đoạn lịch sử cụ thể” (Радугина О. А. 2011, tr. 140-141).

Do có tính dân tộc cho nên yếu tố mang tính quyết định đối với văn hóa giáo dục của một dân tộc là ***loại hình văn hóa***. Chúng tôi hệ thống hóa các nền văn hóa vào ba loại hình cơ bản là loại hình thiên về dương tính, thiên về âm tính, và loại hình trung gian. Văn hóa Việt Nam và Đông Nam Á thuộc loại hình thiên về âm tính, văn hóa phương Tây thuộc loại hình thiên về dương tính, văn hóa Đông Bắc Á thuộc loại hình văn hóa trung gian (xem: Trần Ngọc Thêm 2014, tr. 85-90; 2016, tr. 76-86).

Quan niệm phổ biến cho rằng nền sư phạm phương Đông đặc trưng bởi tiếp cận định hướng người dạy, lấy thầy làm trung tâm; còn nền sư phạm phương Tây đặc trưng bởi tiếp cận định hướng người học, lấy trò làm trung tâm (Phạm Thành Nghị, 2010). Thực ra, hai phương pháp lấy thầy làm trung tâm và lấy trò làm trung tâm chịu chi phối bởi đặc thù của loại hình văn hóa: tiếp cận định hướng người dạy phù hợp ở mức cao nhu cầu của loại hình văn hóa thiên về âm tính; còn tiếp cận định hướng người học đáp ứng ở mức cao nhu cầu của loại hình văn hóa thiên về dương tính. Trong (Trần Ngọc Thêm 2020a) chúng tôi đã phân biệt ba **mô hình văn hóa giáo dục** theo nhu cầu xã hội: (1) Mô hình văn hóa giáo dục hướng đến *xã hội* *ổn định* đặc trưng cho loại hình văn hóa thiên về âm tính; (2) Mô hình văn hóa giáo dục hướng đến *xã hội* *phát triển* đặc trưng cho loại hình văn hóa thiên về dương tính, và (3) Mô hình văn hóa giáo dục kiểu *trung gian* (x. bảng 1).

Bảng 1: *Ba mô hình văn hóa giáo dục* (Trần Ngọc Thêm, 2020a)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mô hìnhTiêu chí | **I- VHGD hướng đến xã hội ổn định** | **II- VHGD kiểu trung gian** | **III- VHGD hướng đến xã hội phát triển** |
| 1. Loại hình văn hóa | Thiên về âm tính | Trung gian  | Thiên về dương tính |
| 2.Không gian điển hình | Việt Nam & ĐNÁ | Đông Bắc Á | Phương Tây  |
| 3. Sứ mệnh | Xây dựng xã hội ổn định + phục vụ nhu cầu xã hội | Xây dựng xã hội phát triển + phục vụ nhu cầu xã hội | Xây dựng xã hội phát triển + chăm sóc nhu cầu cá nhân |
| 4. Mục tiêu | Đào tạo Người thừa hành | Đào tạo Người tư duy | Đào tạo Người sáng tạo |
| 5. Chủ thể (CT) | Thầy = CT chính duy nhất; Trò = đối tượng tiếp nhận thụ động  | Thầy = CT chính thứ nhất; Trò = CT chính thứ hai | Trò = CT chính thứ nhất; Thầy = CT chính thứ hai (hỗ trợ) |
| 6. Phương pháp | Thầy trung tâm, truyền thụ tri thức | Trò trung tâm, tái tạo tri thức | Trò trung tâm, sáng tạo tri thức |
| 7. Nội dung | Coi trọng kiến thức, kỹ năng | Coi trọng kiến thức và PP tư duy | Coi trọng phương pháp sáng tạo |

**1.2.** Hiện nay, các quốc gia đều đang hội nhập quốc tế. Nhưng khi tham gia vào quá trình này, điểm xuất phát của Việt Nam và các nước phát triển khác nhau rất xa. Các nước phát triển (như phương Tây, Nhật Bản) bước vào hội nhập khi họ đã hoàn tất công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đã có con người đô thị và công nghiệp, đã chuyển sang giai đoạn *hậu công nghiệp* và *hậu hiện đại*. Trong khi đó, Việt Nam tham gia hội nhập quốc tế trong khi đang tiến hành công nghiệp hóa và hiện đại hóa, trong khi ***chưa có được con người công nghiệp*** và ***con người đô thị***. Nghĩa là, Việt Nam hội nhập quốc tế trong khi ***chưa thực sự*** ***có đủ*** *những điều kiện cần thiết cho việc hội nhập*.

Văn hóaViệt Nam truyền thống thuộc loại hình âm tính, trọng tĩnh điển hình. Do vậy, văn hóa giáo dụcViệt Nam truyền thống có mô hình hướng đến xã hội ổn định; con người Việt Nam hiện nay còn mang nhiều phẩm chất của con người tiền-công-nghiệp và tiền-đô-thị. Năm 1960, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn: “Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, phải có con người xã hội chủ nghĩa” (2011, tập 12, tr. 604). Nghĩa là ***giáo dục phải đi trước***.

**1.3.** Để đi trước, giáo dục cần có kim chỉ nam là triết lý giáo dục. Triết lý giáo dục có cấu trúc sáu thành tố, trong đó cốt lõi là hai thành tố ***sứ mệnh*** và ***mục tiêu*** (xem: Trần Ngọc Thêm, 2020b). Triết lý giáo dục còn có thể hiểu theo ba nghĩa là nghĩa rộng, nghĩa trung gian và nghĩa hẹp, trong đó cách hiểu quen thuộc của chúng ta lâu nay (diễn đạt ngắn gọn bằng một vài từ) là triết lý giáo dục theo ***nghĩa hẹp***.

Trong bối cảnh hiện tại, sứ mệnh của giáo dục Việt Nam là phải thực hiện sự chuyển đổi từ mô hình hướng đến xã hội ổn định sang mô hình *hướng đến xã hội* ***phát triển***. Trên cơ sở thực trạng của giáo dục Việt Nam, sứ mệnh xây dựng xã hội phát triển có thể được cụ thể hóa bằng sáu mục tiêu mà đề tài cấp Nhà nước về triết lý giáo dục do chúng tôi làm chủ nhiệm (mã số KHGD/16-20.ĐT.011) đã đề xuất: *Học (để) làm việc, Học (để) sáng tạo, Học trung thực, Học làm người, Học chung sống,* và *Học (để) tổ chức*. Trong đó, “Học (để) sáng tạo” là mục tiêu cao nhất: Để có xã hội phát triển thì cần phải có *con người* ***sáng tạo***. Mà để có con người sáng tạo thì trước hết phải có *con người* ***chủ động*** và *con người* ***trung thực***.

## Để có con người chủ động

**2.1.** Xã hội Việt Nam truyền thống lấy nghề nông trồng lúa nước làm sinh kế, lấy văn hóa ưa ổn định làm nền tảng. Người dân Việt Nam quen lấy sự yên ổn làm hạnh phúc. Lễ hội thường niên ở các làng quê Việt Nam là Lễ hội *Kỳ Yên* (= ‘cầu an’). Rất phổ biến là các tên đất, tên làng thể hiện ước vọng về một cuộc sống yên ổn: “Từ điển địa danh văn hóa và thắng cảnh Việt Nam” ghi nhận 138 địa danh chứa các yếu tố “An”, “Bình”, “Yên” (Nguyễn Như Ý, Nguyễn Thành Chương, Bùi Thiết, 2004: 1158, 1163, 1215). Việc cung cấp một nguồn nhân lực đảm bảo *sự ổn định của xã hội* chính là ***sứ mệnh*** của nền giáo dục Việt Nam truyền thống. Mẫu người trên thực tế đảm bảo cho sự ổn định này là ***người thừa hành*** (người công cụ). Người thừa hành là con người thụ động **–** yêu cầu này rất phù hợp với bản chất âm tính của văn hóa Việt Nam.

Bản chất âm tính của văn hóa và người thừa hành là nguồn gốc của căn bệnh *thụ động, khép kín, bảo thủ* và cùng với nó là thói *dựa dẫm, ỷ lại* (Trần Ngọc Thêm, 2016: 311-314, 349-352). Người Việt nay đã bớt thụ động hơn xưa, song nhìn trong tổng thể thì tính thụ động vẫn còn là một đặc trưng chủ đạo của người Việt. Trong cuộc khảo sát năm 2020 của đề tài cấp Nhà nước về triết lý giáo dục với 3.070 người tham gia, trả lời câu hỏi về những tật xấu mà học sinh - sinh viên Việt Nam cần tránh thì “Bệnh thụ động” đứng ở vị trí thứ tư (chiếm 67,3%); “thói dựa dẫm, ỷ lại” đứng thứ tám (chiếm 57,5%). Thêm vào đó, tính cộng đồng cùng áp lực của số đông; thói cào bằng, đố kỵ; sự “dìm hàng”, “ném đá” của cộng đồng giáng xuống đầu những người đi tiên phong đã giết chết mọi sự tích cực (“thói cào bằng, đố kỵ” đứng thứ sáu, chiếm 63,4%). Ở Việt Nam, phẩm chất thường được đánh giá cao không phải là “sự tự tin”, và càng không phải là “tính tiên phong”, mà là “sự khiêm tốn”. Trong khi ở phương Tây, “khiêm tốn” được hiểu là “thể hiện một sự đánh giá đúng mực về giá trị và tài năng của mình” thì ở Việt Nam, “khiêm tốn” lại thường được hiểu là sự nhún nhường, tự hạ thấp mình.

Tính thụ động của người Việt là một trong những nhận xét nổi bật của chàng trai Việt kiều Tran Hung John trong chuyến đi bộ xuyên Việt kéo dài 80 ngày viết trong cuốn “John đi tìm Hùng”: “*Phần nhiều người Việt Nam có tính cách thụ động, là những người đi theo chứ không phải người tiên phong. Nếu có ai đó đi trước và thử trước, tôi sẽ theo sau chứ không bao giờ là người dẫn đường. Áp lực xã hội khiến bạn phải đi theo con đường đã được vẽ sẵn. Đi lệch hướng là một việc đáng sợ không nên làm*” (tái bản lần 7, 2017: 129). Nhận xét này từng được đưa vào đề thi đại học môn ngữ văn khối D năm 2013, đã thu hút sự chú ý rộng rãi của dư luận và tạo nên một cuộc tranh luận rất sôi nổi **–** sự tranh luận sôi nổi này chính là minh chứng về sự phổ biến của tính thụ động trong cộng đồng người Việt ngày nay.

Trong lĩnh vực giáo dục, tính thụ động này thể hiện ở mọi bình diện, mọi khía cạnh: Con cái thụ động trong quan hệ với cha mẹ; người học thụ động trong quan hệ với người dạy; người dạy thụ động trong quan hệ với nhà trường; nhà trường thụ động trong quan hệ với bộ máy quản lý giáo dục cấp trên.

**2.2.** Tính thụ động của người Việt hội tụ ở mức độ đậm đặc trong giáo dục qua khái niệm “**trồng người**”. Cụm từ này được Chủ tịch Hồ Chí Minh nhắc đến trong một bài nói chuyện với giáo viên phổ thông ngày 13-9-1958: “Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải **trồng người**” (2011, tập 11: 528). Ý câu này được Bác mượn của Quản Trọng, Tể tướng nước Tề thời Xuân Thu. Trong sách “Quản Tử”, ông viết: “*Kế một năm, chi bằng trồng lúa; Kế mười năm, chi bằng trồng cây; Kế trọn đời, chi bằng trồng người.// Trồng một, gặt một, ấy là lúa; Trồng một, gặt mười, ấy là cây; Trồng một, gặt trăm, ấy là người*”[[1]](#footnote-1). Xã hội Trung Quốc và Việt Nam thời xưa coi con người là đối tượng cần được “giáo hóa”: con người lệ thuộc vào môi trường, cũng như cái cây hoàn toàn lệ thuộc vào đất trồng một cách ***thụ động***.

Có thể khẳng định rằng Bác không chủ trương giáo dục *một cách thụ động*; bởi lẽ trong suốt 15 cuốn của bộ “Hồ Chí Minh toàn tập”, cụm từ “*trồng người*” chỉ được Bác dùng duy nhất một lần, trong khi cụm từ “*trồng cây*” thì được Bác dùng rất nhiều lần. Suy ra, “trồng người” *không phải là hình ảnh* *thường trực* trong tư duy của Bác. Sự phổ biến của khái niệm này không xuất phát từ tư tưởng giáo dục của Hồ Chí Minh, mà nó nằm sẵn trong triết lý giáo dục của người Việt Nam, do văn hóa Việt Nam chi phối. Xuất thân từ nền văn hóa *nông nghiệp* với chất *âm tính* đậm đặc, người Việt Nam đã mang sẵn trong mình bản tính *thụ động*, lại do rất gắn bó với nghề trồng trọt cho nên khi gặp hình ảnh “trồng người” do Bác nói ra, ai cũng cảm thấy thân thiết gần gũi đến mức dễ dàng chấp nhận và say mê sử dụng nó một cách hoàn toàn tự nhiên. Mỗi năm vào dịp 20-11, có hàng mấy chục bài báo tôn vinh *sự nghiệp “trồng người”*, hàng triệu lời chúc các thầy cô đạt nhiều thành công trong *sự nghiệp “trồng người”.*

**2.3.** Một hình ảnh khác thể hiện “văn hóa thụ động” trong giáo dục là hình ảnh “cánh tay”. Tiếng Việt có thành ngữ “*cánh tay phải/ cánh tay đắc lực*” để chỉ “người giúp đỡ gần gũi và đắc lực nhất trong hoạt động” (Viện Ngôn ngữ học, 2003: 112).

Lại một lần nữa, chúng ta thấy Chủ tịch Hồ Chí Minh rất kỹ lưỡng trong việc dùng từ. Khi nói về ***thanh niên*** nói chung, Người không bao giờ sử dụng hình ảnh “cánh tay”. Người thường nói: “Thanh niên *là người chủ* tương lai của nước nhà” (2011, tập 3, tr. 235; tập 5, tr. 216, 464; tập 12, tr. 530; tập 13, tr. 293). “Thanh niên *là sức chính* của mọi sự kiến thiết”; “*là lực lượng xung phong*”; “*là chủ lực quân*”; “*là động lực* trong mọi công việc” (tập 4, tr. 454; tập 8, tr. 331; tập 10, tr. 281, tr. 368; tập 13, tr. 298). Chỉ riêng khi nói về tổ chức ***Đoàn*** thì Bác mới dùng hình ảnh “là cánh tay (đắc lực) (và đội hậu bị) của Đảng”. Nói vậy là đúng, nhất là trong bối cảnh xã hội thời đó.

Tuy nhiên, nghĩa bóng vốn xuất phát từ nghĩa đen và thường liên tưởng mật thiết với nghĩa đen. Do vậy trong giai đoạn hiện nay, khi toàn thế giới đề cao sứ mệnh giáo dục *sáng tạo*, giáo dục *khai phóng*; đề cao *giá trị con người,* *bản lĩnh cá nhân*… thì “cánh tay” như một hình ảnh gợi nhắc đến việc đào tạo người thừa hành, người công cụđã *không còn thích hợp*. Trên thế giới có hàng trăm tổ chức đoàn thanh niên, nhưng số dùng cách nói “Đoàn là cánh tay phải” thì ngoài Việt Nam ra chỉ có hai tổ chức khác là Đoàn Thanh niên Santa Cruz của Bolivia và Đoàn Thanh niên Độc lập của Palestine. Còn hình ảnh *cánh tay cầm cờ* dùng làm huy hiệu thì ngoài Việt Nam, chỉ có duy nhất một tổ chức khác sử dụng là Liên đoàn Cộng sản Trẻ Canada.

**2.4.** Để có con người chủ động, ngoài việc xây dựng một môi trường khuyến khích người học thể hiện tính chủ động, điều quan trọng là người học phải có được ***sự tự tin***. Để chủ động và tự tin trong giao tiếp thì người học phải rèn luyện *tư duy phản biện* để đặt câu hỏi và đối thoại với người dạy (điều này liên quan đến tính sáng tạo sẽ nói ở dưới). Để chủ động và tự tin trong học đường, người học phải *có bản lĩnh* để nghĩ khác, nói khác với số đông các bạn học còn lại, thoát ra khỏi áp lực của họ. Để chủ động và tự tin trong hoạt động, trong công việc thì người học phải rèn luyện *phong cách làm việc khoa học*, *có kế hoạch*. Đây là một chỗ yếu khác trong văn hóa tính cách của người Việt Nam, khi mà do tính linh hoạt, nhiều người Việt Nam mắc bệnh tùy tiện, đối phó, “nước đến đâu bắc cầu đến đấy”.

## Để có con người sáng tạo

**3.1.** Sự *sáng tạo* thuộc về *tài năng*. Trong giáo dục và đào tạo con người, “tài” đi liền với “đức”. Trong văn hóa giáo dục có hai vấn đề liên quan đến chuyện này: một là quan niệm về “tài”, “đức”; và hai là mối quan hệ giữa “tài” và “đức”. Ở thời phong kiến, tiêu chí đánh giá “tài” là năng lực học thuộc lòng và giải thích Tứ thư Ngũ kinh; tiêu chí đánh giá “đức” là sự thấm nhuần và thể hiện tinh thần “trung - hiếu - tiết nghĩa”. Năng lực và tri thức (tài) về kinh điển Nho giáo nằm gọn trong một chữ VĂN, phẩm chất (đức) “trung - hiếu - tiết nghĩa” nằm gọn trong một chữ LỄ. Quan hệ giữa “đức” và “tài”, giữa “lễ” và “văn” được đúc kết trong câu “*Tiên học Lễ, hậu học Văn*”.

*Trọng Lễ* chính là một nguyên lý cơ bản trong triết lý giáo dục của thời phong kiến. Không phải ngẫu nhiên mà trong chính quyền phong kiến, Bộ quản lý toàn diện các hoạt động văn hóa, giáo dục, ngoại giao được đặt tên là “Bộ LỄ” và đứng ở vị trí thứ hai, chỉ sau Bộ Lại quản lý về nội vụ. Chữ Lễ theo Hán Nho là phải *biết giữ mình trong khuôn phép,**biết phục tùng**người trên*. GS. Trần Văn Giàu viết: “Lễ trở thành những hình thức ràng buộc. Ràng buộc của Lễ phong kiến rất phiền phức, khó chịu” (1993, tr. 283).

Trong đào tạo người thừa hành thì phương pháp giáo dục thích hợp hiển nhiên là *lấy thầy làm trung tâm*: người thầy được đặt vào vị trí thứ hai (sau Vua) trong thang bậc “Quân-Sư-Phụ”. Việc đề cao vai trò của người thầy thể hiện qua những câu thành ngữ - tục ngữ phần lớn có nguồn gốc từ Nho giáo Trung Hoa như: “*Tôn* *sư trọng đạo*”; “*Nhất tự vi sư, bán tự vi sư*”... Trong khi người có lòng tự trọng phải biết mười, biết trăm mới dám dạy một thì việc “hơn nửa chữ” đã trở thành ranh giới của đạo thầy trò (dù có là phóng đại, cường điệu hóa) vẫn là đỉnh cao trong việc đề cao vai trò của người thầy.

Như thế, từ nguyên lý giáo dục đến phương pháp giáo dục thời phong kiến đều thống nhất phục vụ cho sứ mệnh giáo dục là đào tạo người thừa hành và mục tiêu giáo dục là cung cấp nguồn nhân lực cho việc “trị quốc an dân”.

**3.2.** Sau năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có nhiều cố gắng để thay đổi một số quan niệm và thói quen trong văn hóa giáo dục truyền thống, để xã hội Việt Nam có con người sáng tạo.

Trong 15 tập “Hồ Chí Minh toàn tập”, Bác không một lần nào nhắc đến “chữ Lễ” hay việc “học Lễ”, càng không có nhắc đến câu “Tiên học Lễ, hậu học Văn”. Bác cũng ít khi đặt “đức” trước “tài”, mà thường đặt “tài” trước “đức”. Ngày 20-11-1946, với tư cách là Chủ tịch Nước, Bác công bố bức thư có tên là “Tìm người *tài đức*” (sau này được coi là “Chiếu cầu hiền thời Cách mạng” của Chủ tịch Hồ Chí Minh). Từ đó về sau, Người thường xuyên dùng cách diễn đạt “***có tài có đức***”. Trong 15 tập “Hồ Chí Minh toàn tập”, cặp giá trị “tài” và “đức” được Bác nhắc đến tổng cộng 14 lần (từ tháng 10-1945 đến tháng 8-1959), trong đó có 12 lần Bác nói **tài** trước, **đức** sau. Cần hiểu rằng thứ tự trước sau ở đây không phải là thứ tự về thời gian, mà là thứ tự về vai trò. Tháng 8-1959, Bác nói: “*Có tài mà không có đức là hỏng. Có đức mà chỉ i, tờ thì dạy thế nào? Đức phải có trước tài*” (2011, tập 11, tr. 269). Đức có trước là để làm nền tảng; người đức có thể có nhiều, còn người tài thì bao giờ cũng hiếm. Người có đức chưa chắc có tài, mà đức thì có thể suy thoái, biến chất.

Sau Cách mạng Tháng Tám, Nhà nước buộc phải bổ nhiệm làm cán bộ hàng loạt cá nhân xuất thân từ bần cố nông ít học. Chỉ sau một thời gian rất ngắn, trong số họ đã nảy sinh hàng loạt thói hư tật xấu. Tháng 10-1947, Bác đã phải đích thân viết tài liệu hướng dẫn “*Sửa đổi lối làm việc*” (ký tên X.Y.Z.), trong đó chỉ ra hàng loạt căn bệnh “rất nguy hiểm” tồn tại trong hàng ngũ cán bộ. Người tài thực sự (nhân tài) thường có đức, mà tài năng một khi đã có thì không thể suy thoái được. Do vậy, *đức chỉ là điều kiện cần*, là cái nền *để trên đó phát hiện và bồi dưỡng tài năng*. Đó chính là một trong những sứ mệnh của triết lý giáo dục, là lý do vì sao Bác thường nói “có tài, có đức”, đặt ***tài trước đức***. Không phải ngẫu nhiên mà V.I. Lênin từng nói thẳng: “Đối với chúng ta một ‘chuyên gia khoa học và kỹ thuật’, dù là chuyên gia tư sản, nhưng thạo công việc của mình, thì cũng vẫn *mười lần quý hơn* người đảng viên cộng sản huênh hoang”. Và “tôi có thể *đổi hàng tá những người đó lấy một chuyên gia tư sản* thành thạo và nghiêm túc nghiên cứu nghiệp vụ của mình” (Lê-nin V.I., 2005, tr. 434-435).

Ngoài ra, khi nói đến yêu cầu về “chuẩn đầu ra”, trong văn hóa học đường Việt Nam còn có cụm từ “*hồng và chuyên*”. Trong suốt cuộc đời của Bác thể hiện qua 15 tập “Hồ Chí Minh toàn tập”, Bác chỉ nhắc đến cụm từ “hồng và chuyên” duy nhất một lần vào cuối đời, trong Di chúc. Điều này có thể hiểu được: Cặp “tài và đức” là hai giá trị truyền thống của văn hóa Việt Nam; còn “hồng và chuyên” là cặp khái niệm của cách mạng Trung Quốc, từ Trung Quốc nhập khẩu vào Việt Nam trong nửa sau những năm 1950 và phổ biến vào những năm 1960, khi ở Trung Quốc diễn ra cách mạng văn hóa.

**3.3.** Để có con người sáng tạo, cần coi trọng ***bản lĩnh***,đề cao ***dân chủ*** trong giáo dục. Thiếu bản lĩnh thì không thể nào sáng tạo. Trong cuộc khảo sát về triết lý giáo dục năm 2020, bệnh thiếu bản lĩnh đứng thứ ba (chiếm 71,2%). Dân chủ và bản lĩnh là nền tảng cần và đủ cho ***tư duy phản biện*, *khai phóng*** phát triển. Tư duy phản biện, khai phóng đến lượt mình là điều kiện cần cho sự sáng tạo. Tư duy phản biện đứng ở vị trí thứ tám (chiếm 61,8%), tính sáng tạo đứng thứ ba (chiếm 75,5%) trong danh sách các năng lực mà học sinh - sinh viên Việt Nam cần có để vào đời. Để phát triển năng lực sáng tạo và tư duy phản biện, cần chống việc nhồi nhét kiến thức, chống ***học thuộc lòng***. Cho đến nay, cách quản lý giáo dục của chúng ta vẫn vô tình khuyến khích việc học thuộc lòng: Các nhà xuất bản thì cung cấp cho học sinh những tuyển tập các bài văn mẫu, trên mạng có hẳn một website “vanmau.edu.vn”. Việc biên soạn sách giáo khoa ở mọi cấp, từ phổ thông đến đại học, vẫn phổ biến yêu cầu phải ngắn gọn là để đáp ứng nhu cầu học thuộc lòng. Mọi đề thi từ phổ thông đến đại học đều vẫn phải có đáp án sẵn đính kèm. Việc chấm thi theo đáp án giết chết tư duy sáng tạo của cả trò lẫn các thầy cô giáo. Mọi sáng tạo độc đáo khác với đáp án buộc người chấm phải cho điểm kém và buộc người học phải nhận điểm kém.

Đề cao quá mức *vai trò của người thầy* có thể kéo theo hệ quả là một bộ phận thầy cô ngộ nhận về quyền lực của mình, dẫn đến những hiện tượng quái đản như trường hợp cô giáo này không nói câu nào suốt ba tháng đứng lớp; cô giáo kia bắt học sinh súc miệng bằng nước vắt giẻ lau bảng... Vai trò thực sự của người thầy trong giáo dục sáng tạo là hướng dẫn người học sáng tạo và tự chịu trách nhiệm về sự sáng tạo của mình. *Dân chủ trong giáo dục* là dân chủ trong trao đổi và sáng tạo tri thức, dân chủ phải đi cùng với pháp quyền chứ không phải thứ dân chủ dẫn đến rối loạn xã hội, dẫn đến những sự cố như học sinh bóp cổ cô giáo, đâm thủng bụng thầy giáo; phụ huynh xông vào lớp tát cô giáo, phụ huynh bắt cô giáo phải quỳ xin lỗi...

**3.4.** Để có con người sáng tạo, cần ***chống bệnh thành tích, bệnh phong trào*** và ***bệnh đối phó***. Các căn bệnh này có ở cả người học, phụ huynh và nhà quản lý.

Người xưa đi học cốt để thi đỗ làm quan thì nay tuy có động cơ học tập đúng trên lý thuyết nhưng trên thực tế một số không nhỏ người học vẫn chỉ lo học để đối phó với thi cử, thi cử cốt để đỗ lấy bằng. Trong cuộc khảo sát của chúng tôi năm 2020, bệnh thành tích trong giáo dục đứng thứ hai (chiếm 72,3%) và bệnh đối phó đứng thứ bảy (chiếm 63,1%) trong số những tật xấu mà học sinh - sinh viên Việt Nam cần tránh. Trả lời câu hỏi “*Bạn thường bổ sung, củng cố kiến thức đã học theo cách nào?*” thì tỷ lệ cao nhất thuộc số những người “Ôn lại khoảng 1-2 tuần trước khi thi” (38,6%), và thấp nhất thuộc số những người ôn lại mọi lúc, tức là những người học thực sự vì tri thức, học suốt đời (9,4%). Số đông phụ huynh vẫn chỉ mong con cái có điểm số cao (57,6%), ra trường có thu nhập cao (71,9%) và địa vị cao trong xã hội (57,9%). Để có địa vị cao, học sinh Việt Nam đua nhau học lên cao (bệnh phong trào): Trong kỳ thi trung học phổ thông quốc gia ở Việt Nam năm 2017, có hơn 75% thí sinh tốt nghiệp phổ thông dự thi để đăng ký xét tuyển đại học (trong khi số học sinh tốt nghiệp phổ thông tiếp tục học lên đại học ở Mỹ [vào những năm 80] chỉ có 45%, ở Nhật là 38%, ở Pháp là 25%, ở Đức là 19% (Панов В.Г. (гл. ред.), 1993-1999: 331). Hệ quả là trong đội quân thất nghiệp ở Việt Nam, thanh niên và người có trình độ cao chiếm một số lượng lớn (năm 2017 có 20 vạn cử nhân thất nghiệp). Người làm quản lý giáo dục thường muốn có nhiều trò thi đỗ, điểm cao; thầy cô thường nhồi nhét kiến thức. Hệ quả là bệnh thành tích lan tràn, học trò chịu áp lực lớn, học sinh giỏi vẫn nhảy lầu tự tử.

Để khuyến khích sáng tạo, khuyến khích tư duy phản biện, cần thay việc giáo dục hàng loạt với quan niệm thành tích tính theo điểm số, theo số lượng trò điểm cao, thi đỗ bằng ***giáo dục cá nhân hóa*** theo quan niệm giáo dục phải “*làm phát triển hoàn toàn các năng lực sẵn có của các em*” mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói đến trong “Thư gửi các học sinh” nhân dịp khai giảng đầu năm học năm 1945 (2011, tập 4: 34). Bên cạnh nền giáo dục phổ thông theo hệ thống do Nhà nước tổ chức, cần sớm thừa nhận và luật hóa mô hình *giáo dục tại gia*, hay *gia thục* (homeschooling) hiện nay đang trở nên ngày càng phổ biến ở nhiều nước phát triển trên thế giới như một giải pháp thay thế hợp pháp cho các trường công lập và tư thục.

Trong quá trình đổi mới giáo dục và đào tạo hiện nay, các bệnh thành tích và bệnh đối phó tiếp tục được thể hiện ở *tâm lý nóng vội*, muốn có kết quả nhanh bằng cách làmchắp vá *theo kiểu “cuốn chiếu”* (trong xây dựng chương trình, biên soạn sách giáo khoa…).

## Để có con người trung thực

**4.1.** Ba căn bệnh “bệnh thành tích”, “bệnh phong trào” và “bệnh đối phó” đang tồn tại ở cả người học, phụ huynh và nhà quản lý dẫn đến tật xấu thứ tư là “***bệnh giả dối***”. Lan tràn trong xã hội là vấn nạn học giả bằng thật, là nạn quay cóp trong thi cử ở bậc phổ thông; việc sao chép trong làm tiểu luận, viết luận văn luận án cũng gặp không ít ở bậc đại học và sau đại học.

Giả dối có thể xem như một căn bệnh đặc thù của văn hóa Việt Nam. Nó là kết quả phối hợp của ba đặc trưng: Thứ nhất là tính cộng đồng làng xã sinh ra tính trọng thể diện, ở mức độ cao là *bệnh sĩ diện*; thứ hai là tính trọng âm sinh ra tính trọng tình, ở mức độ cao là *bệnh lụy tình*.Để giữ thể diện của mình và của người, giữ được cái tình giữa hai bên mà người Việt có truyền thống ứng xử “*ở sao cho vừa lòng mọi người*”. Điều này thực hiện được nhờ có đặc trưng thứ ba là tính linh hoạt. Nhờ linh hoạt mà người Việt có khả năng *biến báo* cả trong suy nghĩ, nói năng và hành động. Biến báo trong suy nghĩ giúp chúng ta *tự an ủi*; biến báo trong nói năng được chúng ta gọi là “*khéo léo*”; biến báo trong hành động được chúng ta gọi là “*khôn ngoan*”.

Mặc dù giả dối có thể gặp trên khắp thế giới, nhưng ở Việt Nam thì hiện tượng này đạt tới mức độ trầm trọng và thâm nhập sâu vào văn hóa học đường. Trong cuộc điều tra của đề tài cấp Nhà nước về hệ giá trị với 5.589 người tham gia thực hiện năm 2014, “bệnh giả dối, nói không đi đôi với làm” được 81,0% đánh giá là tật xấu điển hình nhất, đứng vị trí thứ nhất trong số 34 tật xấu của người Việt; có 79,3% thừa nhận là đã từng “*Giở sách quay cóp khi thi cử*” hoặc định thực hiện việc này (Trần Ngọc Thêm, 2016: 417-422). Trong cuộc điều tra về triết lý giáo dục thực hiện năm 2020 thì có 73,8% thừa nhận “Gian lận trong giáo dục” đứng ở vị trí thứ ba trong số 13 nhược điểm của giáo dục Việt Nam và 77,4% thừa nhận “Bệnh giả dối” đứng ở vị trí thứ nhất trong số 15 tật xấu mà học sinh - sinh viên Việt Nam cần tránh khi vào đời. Thời đại 4.0 với mạng internet càng khiến cho vấn nạn gian lận trở nên lan rộng. Nghiên cứu trên báo cáo tốt nghiệp của 252 sinh viên khối ngành kinh tế năm 2013-2014 cho thấy chỉ số tương đồng trung bình so với cơ sở dữ liệu Turnitin từ 50% trở lên chiếm đến 39,7%; đa phần (52%) tập trung trong nhóm tương đồng từ 25 đến 49%. Với mức độ tương đồng dưới 20% thì chỉ có 4% bài viết được chấp nhận; cá biệt có bài chỉ có 5% nội dung là của riêng tác giả (Trần Thị Út, Huỳnh Thạnh, Nguyễn Thị Thanh Hòa, 2016, tr. 57).

**4.2.** Nhiều năm nay, xã hội đã rất bức xúc với hiện tượng này. Vì vậy, để xây dựng một xã hội phát triển, đã đến lúc phải làm mạnh tay hơn nữa. Chủ trương “**Học thật, thi thật, nhân tài thật**” do Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chínhnêu ra tháng 5-2021 có thể xem như một lời tuyên chiến với sự gian lận trong giáo dục.

Để có nhân tài thật thì “học thật, thi thật”, hay “học trung thực” là yêu cầu tối thiểu. Nó chính là phẩm chất *liêm chính* mà Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhắc đến trong các bài nói và viết về giáo dục của Người. Trong tiếng Việt, “liêm chính” là nói về “đạo đức ngay thẳng và trong sạch của người có chức trách” (Viện Ngôn ngữ học, 2003, tr. 567). “*Liêm chính học thuật*” (academic integrity), cũng đang là một phẩm chất quan trọng của đạo đức khoa học được đặt ra ở nhiều quốc gia và tổ chức thế giới (Шаршекеева К.Д., 2000; Macfarlane B. 2003; Vũ Công Giao 2018). Theo Từ điển tiếng Anh Cambridge, “integrity” là phẩm chất trung thực trong thực hiện công việc dựa trên những tiêu chuẩn đạo đức vững chắc mà bạn quyết tâm không hạ thấp hoặc thay đổi. “Học thật, thi thật”, hay “học trung thực” phải là một mục tiêu nền tảng xuyên suốt, không chỉ giúp chống bệnh gian lận trong thi cử, nạn đạo văn, mà còn góp phần quan trọng bảo đảm tính hiệu quả của giáo dục và chất lượng của sản phẩm giáo dục.

## Kết luận và kiến nghị

**5.1.** Như vậy, để xây dựng một xã hội phát triển và hội nhập, cần **bắt đầu từ giáo dục**. Để đổi mới giáo dục cần có một giải pháp tổng thể nhưng không dàn trải mà phải có chìa khóa; có trọng tâm, trọng điểm. Chìa khóa của đổi mới giáo dục chính là **triết lý giáo dục**. Trong triết lý giáo dục thì trọng tâm, trọng điểm là sứ mệnh và mục tiêu. **Sứ mệnh** của giáo dục Việt Nam trong bối cảnh hiện nay là xây dựng một *xã hội* ***phát triển***. Để có xã hội phát triển thì **mục tiêu** cuối cùng là phải có *con người* ***sáng tạo***, mà để có con người sáng tạo thì trước hết phải có *con người* ***chủ động*** và ***trung thực***.

**5.2. Để có con người chủ động**, cần ***loại trừ tính thụ động ở người dưới*** (học trò/ con cái) ***và tính áp đặt ở người trên*** (thầy cô/ cha mẹ).Cần bắt đầu từ việc thay đổi quan niệm, không sử dụng những cách biểu đạt mang tính thụ động như “*con ngoan trò giỏi*” (*ngoan* theo nghĩa ‘dễ bảo, vâng lời’, *giỏi* theo nghĩa ‘thuộc bài’) và “*trồng người*”; cần giải thích rộng rãi mặt hạn chế của cụm từ “trồng người” và lý do vì sao trong suốt cuộc đời, Bác chỉ nhắc đến cụm từ này có một lần. Không nên tiếp tục sử dụng hình ảnh “*cánh tay phải*” khi nói về vai trò của Đoàn thanh niên; Trung ương Đoàn nên nghiên cứu thay huy hiệu Đoàn, không dùng hình ảnh cánh tay cầm cờ làm huy hiệu Đoàn.

Để có con người chủ động, bên cạnh việc tạo dựng một môi trường khuyến khích tính chủ động, điều quan trọng là người học phải ***tự tin***. Để chủ động và tự tin trong giao tiếp thì người học phải rèn luyện *tư duy phản biện* và phải *có bản lĩnh* để nghĩ khác, nói khác với số đông các bạn học còn lại, thoát ra khỏi áp lực của họ. Để chủ động và tự tin trong hoạt động thì người học phải rèn luyện *phong cách làm việc khoa học*, *có kế hoạch*.

**5.3. Để có con người sáng tạo**, cần thực hiện *dân chủ trong giáo dục*, cần thay đổi quan niệm về người thầy từ việc truyền thụ kiến thức sang việc hướng dẫn người học sáng tạo và tự chịu trách nhiệm về sự sáng tạo của mình. Cần chấm dứt sử dụng khẩu hiệu “*Tiên học lễ, hậu học văn*” để khai mở tư duy phản biện, giải phóng sức sáng tạo. Chống việc nhồi nhét kiến thức, *chống việc học thuộc lòng*; thay đổi quan niệm về cách biên soạn sách giáo khoa (để đáp ứng nhu cầu học thuộc lòng), cách ra đề thi kèm theo đáp án; chấm dứt cách học theo bài mẫu. Chừng nào còn đề cao chữ Lễ để ràng buộc người học, còn đề cao quá mức vai trò của người thầy, của đáp án thì tư duy phản biện sẽ không thể phát triển, không thể có xã hội phát triển. Giải quyết hợp lý mối quan hệ tinh tế giữa năng lực và phẩm chất, sử dụng cụm từ “*tài đức*” mà Chủ tịch Hồ Chí Minh tâm huyết để thay thế cho những cách diễn đạt cùng nghĩa nhưng khác thứ tự (như “có đức có tài”, “vừa hồng vừa chuyên”) là những biến thể của việc đề cao chữ Lễ.

Để có con người sáng tạo, cần chống bệnh thành tích, bệnh phong trào và bệnh đối phó trong người học, trong phụ huynh và trong nhà quản lý. Cần thay việc giáo dục hàng loạt bằng ***giáo dục cá nhân hóa*** theo quan niệm giáo dục phải “*làm phát triển hoàn toàn các năng lực sẵn có của các em*” của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Cần sớm thừa nhận và luật hóa mô hình *giáo dục tại gia*, hay *gia thục* (homeschooling) với tư cách là một giải pháp thay thế hợp pháp cho các trường công lập và tư thục.

**5.4.** Để có **con người trung thực**, cần thực hiện “học trung thực”, hướng đến phẩm chất “liêm chính học thuật”; cần *chống “bệnh thành tích”, “bệnh phong trào”* và *“bệnh đối phó”*. Việc chống cần bắt đầu từ gốc của những căn bệnh này là *chống bệnh sĩ diện, bệnh lụy tình,* và *bệnh biến báo*.

**5.5.** Để có sự chuyển đổi lớn như vậy, cần có quyết tâm cao của Đảng và Chính phủ và nên phát động thành một phong trào. Cốt lõi của phong trào này là triết lý giáo dục theo nghĩa hẹp thể hiện tập trung trong ba phẩm chất “***Sáng tạo, chủ động và trung thực***” mà trọng tâm trong giai đoạn trước mắt (từ nay đến 2030) là chủ trương “***Học thật, thi thật, nhân tài thật***” do Thủ tướng phát động.

Để có con người sáng tạo, chủ động và trung thực, văn hóa giáo dục cần được hỗ trợ bởi văn hóa chung của toàn xã hội. Văn hóa của xã hội cần chuyển đổi từ một hệ giá trị thiên về âm tính sang hệ giá trị thiên về dương tính, từ một hệ giá trị mang đậm tính cộng đồng làng xã sang hệ giá trị đề cao bản lĩnh cá nhân và tính cộng đồng xã hội; coi trọng tính khoa học trong tư duy và làm việc có kế hoạch trong dài hạn; tránh sự tùy tiện, đối phó. Những việc này đều vượt ra khỏi phạm vi của ngành giáo dục; cần sự vào cuộc quyết liệt của Ủy ban Văn hóa - Giáo dục của Quốc hội và Ban Tuyên giáo Trung ương nói riêng, Đảng và Chính phủ nói chung.

## Tài liệu trích dẫn

1. Hồ Chí Minh (2011). *Toàn tập*, tập 1-15, xuất bản lần 3. Hà Nội, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật.
2. Lê-nin V.I. (2005). *Toàn tập*, tập 42. Hà Nội, Nxb Chính trị Quốc gia, 765 tr.
3. Macfarlane B. (2003). *Teaching with Integrity: The Ethics of Higher Education Practice*. Routledge, 193 p.
4. Nguyễn Như Ý, Nguyễn Thành Chương, Bùi Thiết (2004). *Từ điển địa danh văn hóa và thắng cảnh Việt Nam*. H., Nxb KHXH, 1.220 tr.
5. Tran Hung John (2017). *John đi tìm Hùng*, tái bản lần thứ 7. H., Nxb. Kim Đồng, 311 tr.
6. Trần Ngọc Thêm (2014). *Những vấn đề văn hóa học lý luận và ứng dụng*. Tp. Hồ Chí Minh: Nxb Văn hóa - Văn nghệ, 589 tr.
7. Trần Ngọc Thêm (2016). *Hệ giá trị Việt Nam từ truyền thống đến hiện tại và con đường tới tương lai*. Tp. Hồ Chí Minh: Nxb Văn hóa - Văn nghệ, 589 tr.
8. Trần Ngọc Thêm (2020a). “Bàn về mô hình vận động của triết lý giáo dục”. T/c *Thông tin Khoa học Xã hội*, số 456 (tháng 12), tr. 3-10; Bản tiếng Anh: Tran Ngoc Them (2020). “About General Educational Motivation Models”. *Social Sciences Information review*, Vol 14, No. 4, December, 2020, p. 11-18.
9. Trần Ngọc Thêm (2020b). “Tính hệ thống của triết lí giáo dục qua các mối quan hệ bên trong của nó”. *Tạp chí Giáo dục*, số 479 (kỳ 1, tháng 6), tr. 1-7.
10. Trần Thị Út, Huỳnh Thạnh, Nguyễn Thị Thanh Hòa (2016). “Vấn đề liêm chính học thuật trong sự nghiệp 'trồng người'”. T/c *Khoa học* ĐHSP Tp. HCM, 2016, số 2, tr. 54-61.
11. Trần Văn Giàu (1993). *Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỷ XIX đến cách mạng tháng tám 1945.* Tập 1. *Hệ ý thức phong kiến và sự thất bại của nó trước các nhiệm vụ lịch sử*. Nxb Tp. Hồ Chí Minh, 585 tr.
12. Viện Ngôn ngữ học (2003). *Từ điển Tiếng Việt*, Hoàng Phê chủ biên. NXB Đà Nẵng, 1.238 tr.
13. Vũ Công Giao (2018). “'Liêm chính học thuật': lý luận, thực tiễn và những yêu cầu đặt ra trên thế giới và ở Việt Nam”. T/c *Nghiên cứu lập pháp*, số 6, tr. 3-16.
14. Панов В.Г. (гл. ред.) 1993-1999: *Российская педагогическая энциклопедия* (в двух томах). – Москва: Науч. Изд-во “Большая Российская Энциклопедия”, 860 c.
15. Радугина О. А. (2011). *Образовательная культура общества как целостный социальный феномен*. Философия и общество. № 1 (61), январь - март, c. 130-141.
16. Шаршекеева К.Д. (2000). *Принцип академической честности как основа деятельности современного университета*, c. 8-12. Khai thác từ: dspace.auca.kg/bitstream/123456789/141/1/Sharshekeeva\_Printsip% 20akademicheskoi%20chestnosti.pdf
1. Nhất niên chi kế mạc như thụ cốc; Thập niên chi kế mạc như thụ mộc; Chung thân chi kế mạc như thụ nhân.// Nhất thu nhất hoạch giả, cốc dã; Nhất thu thập hoạch giả, mộc dã; Nhất thu bách hoạch giả, nhân dã. ( 一年之计，莫如树谷；十年之计，莫如树木；终身之计，莫如树人。一树一获者，谷也；一树十获者，木也；一树百获者，人也” (管子·权修 第三). [↑](#footnote-ref-1)